

Đạo Phật

là đạo vô thượng



Đạo Phật là đạo của:

- A. Lý trí sáng suốt và thực tế
- B. Đại bình đẳng
- C. Đại tử bi
- D. Đại dũng
- E. Tích cực hoạt động
- F. Đại tự do

Lý trí sáng suốt và thực tế:

Đạo Phật là đạo giác ngộ, những lời dạy của đức Phật nhằm thức tỉnh con người trở về cội nguồn bản thể của chính mình. Muốn nhận được Thực Thể đó, Phật dạy có nhiều pháp môn tu. Tất cả pháp môn đều là phương tiện. Nhưng tu bất cứ pháp môn nào, chúng ta cũng phải cần có trí tuệ Bát nhã. Có thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ bát nhã, mới phá tan được màn đêm tăm tối vô minh mà từ lâu nó đã che mờ tánh giác của chúng ta. Một khi bóng tối vô minh không còn, thì ánh sáng chơn lý hiện bày. Do đó, nên người Phật tử khi đến với Đạo Phật, tất nhiên là phải đến bằng trí tuệ, chứ không thể đến chỉ thuần túy bằng niềm tin. Nếu chỉ bằng niềm tin không thôi, thì sẽ trở thành mê tín và không thể nào thâm hiểu được cội nguồn của đạo Phật. Cho nên, chúng ta cần phải dùng lý trí để soi sáng niềm tin.

Trong kinh Kalama, đức Phật Thích Ca dạy:

‘Đừng tin tưởng một điều gì chỉ vì nghe đồn, là tập tục

cổ truyền, dẫu rằng tập tục ấy đã trải qua đời này sang đời khác.’

‘Đừng tin tưởng một điều gì vì có điều ấy đã được nhiều người nhắc đi nhắc lại, dù là bút tích của thánh nhân để lại, vì thói quen từ lâu đã làm cho ta nhận điều ấy là sự thật, hoặc do trí tưởng tượng của ta tạo ra mà nghĩ là do một vị thần linh khai thị chỉ giáo cho ta, hoặc vin vào uy tín của các bậc phụ huynh hoặc các thầy dạy.’

‘Chỉ tin những điều chính bản thân mình đã thực nghiệm kỹ càng và suy xét sâu xa thấy đúng với sự thật; đem lại hạnh phúc cho mình và người khác, thì ta tin nhận điều đó mà thôi. Rồi ta cố gắng ăn ở, hành động cho thật đúng với những điều ấy.’

Chính đối với đức Phật, Ngài cũng không buộc người Phật tử phải tin Ngài một cách mù quáng.

‘Các người hãy coi ta như người hướng dẫn các người trên đường tu học.’

Ngài còn nói một cách quyết liệt hơn: ‘Tin ta mà không hiểu ta, ấy là phỉ báng ta.’

Đối với người Phật tử, các kinh điển của nhà Phật không có tính cách độc đoán và bí hiểm như những tín điều trong các đạo khác.

Kinh điển là những lời giảng dạy của đức Phật, một người đã giác ngộ hoàn toàn. Ngài trình bày lại những gì Ngài đã chứng ngộ, để chúng ta nương theo đó mà tu duy quán chiếu. Nghĩa là chúng ta cần phải ứng dụng Tam huệ học : Văn, Tư, Tu trong tiến trình nghiên cứu tu học.

Khi nào chúng ta đã suy nghĩ kỹ rồi, đã thực hiện có kết quả đôi chút, và nhận thấy những điều giảng dạy ấy đúng với lẽ thật, vừa ích lợi cho ta và cho người khác, lúc ấy chúng ta sẽ tin và mới được tin.

Lòng tin bấy giờ mới thật là sáng suốt, tin như vậy mới là đức tin chân chánh, vững bền.

Phật giáo làm nảy nở lý trí con người đến cực điểm và dạy con người dùng lý trí ấy vào những việc thực tế, không để mất thời giờ vào những suy luận siêu hình viển vông, không ích lợi cho đời sống.

Đức Phật Thích Ca dạy: 'Này các tỳ kheo, các người đừng thắc mắc về vấn đề thế giới này là hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng. Dù thế giới này là hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng, điều mà chúng ta nhận xét là thật có trong đời vẫn là những khổ, đau, sinh, lão, bệnh, tử.'

Đức Phật đã dạy: 'Ta chỉ đem lại cho đời một phương thuốc trị bệnh đau khổ mà thôi.'

Bởi vậy người Phật tử phải dùng lý trí sáng suốt và tự do vào công việc cốt yếu là chữa bệnh đau khổ và tạo hạnh phúc chân thật, vĩnh viễn cho mình và tha nhân.

Đức Phật Thích Ca đã đi sâu vào rừng chân lý. Nhưng Ngài chỉ lựa chọn một số ít chân lý căn bản, có lợi cho sự giải thoát để đem ra giảng dạy cho các đệ tử. Những gì Ngài biết thì vô tận vô biên như lá trong rừng, những điều đem ra dạy ít như nắm lá trong tay. Những điều Ngài dạy có lợi ích thiết thực cho sự giải thoát khỏi khổ của các hàng đệ tử.

B. Đại bình đẳng:

Chư Phật thị hiện thành người bằng xương bằng thịt như chúng ta, nhưng biết suy nghĩ đúng chân lý và tinh tấn tu hành, làm những hạnh lớn cứu độ chúng sanh, nên đã sớm thành Phật. Chúng ta hiện nay chỉ vì chưa tinh ngộ và tu tập, nên bị nhiều mê lầm trói buộc. Khi nào dứt bỏ được hết xiềng xích mê lầm ấy thì chúng ta sẽ thành Phật như chư Phật vậy.

Không một đạo nào nâng giá trị con người lên bậc cao quý cùng tột như đạo Phật. Không một đạo nào dẫn dắt con người lên địa vị ngang hàng với Đấng Tôn Thờ như vậy!

Đức Phật dạy: 'Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn.'

Thật là một thông điệp đầy tình thương, ngôn từ và văn tự không thể diễn tả hết được tình thương yêu trùm khắp đó. Thật là bình đẳng đối với muôn loài cùng có máu đỏ và nước mắt. Hơn thế nữa, Ngài còn dạy người Phật tử thể hiện lòng thương yêu một cách tích cực đến các loài hữu tình lẫn vô tình, vì chúng đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật.

Đức Phật dạy: 'Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.'

Tinh thần bình đẳng được thể hiện trong bài hồi hương:

*Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.*

Điều này đã nói lên tính bình đẳng một cách tuyệt đối từ nội tâm đến hành động của người con Phật.

Vũ trụ, vạn vật, theo Phật giáo, chỉ là những hiện tượng duyên hợp của một bản thể, mà bản thể sáng suốt ấy có từ bao giờ và cũng không thể nói đến bao giờ hoại diệt, bản thể sáng suốt này có từ vô thủy đến vô chung.

Mọi hiện tượng đều do nhiều nhân duyên tạm hợp với nhau mà thành, rồi cũng vì nhiều nhân duyên khác mà tan rã và luân hồi, hoặc trở về an trụ nơi bản thể bất sanh bất diệt.

Phật dạy: 'Tất cả các pháp trong thế gian chỉ có nhân quả, chứ không có một người nào làm ra.'

Chư Phật là những vị đầy đủ nhân duyên tốt lành để nhập với bản thể. Chúng ta và tất cả chúng sanh khác đều có thể tu tập để rồi cũng sẽ đầy đủ nhân duyên trở về sống yên vui trong bản thể trong sạch, sáng suốt, như các Đức Phật.

Quan niệm bình đẳng của đạo Phật là bình đẳng tận gốc, tận nơi bản thể.

Người thế gian nói đến bình đẳng đã hàm chứa sự cách biệt, sự phân chia, ngụ ý bất bình đẳng đã gây ra, hoặc đã duy trì sự bất bình đẳng.

'Nếu tự tâm không bình đẳng, dù bên ngoài có giảng nói bình đẳng, tham cầu bình đẳng đến đâu, cũng không bao giờ ra khỏi phạm vi của bất bình đẳng.'



THÍCH CHÍNH TỨC : Tinh Thần Bình Đẳng Của Đạo Phật

Khi nào quan niệm được muôn vật đều đồng một bản thể, đồng một Phật tánh, muôn vật đều y như nhau và đều có giá trị bằng nhau, chẳng cần phải thêm bớt, san phẳng, mới tạo ra bình đẳng thật sự.

Luận Đại Thừa Khởi Tín tóm tắt ý nghĩa bình đẳng của đạo Phật như sau: 'Tất cả các sự, vật từ ngàn xưa, đem lia tướng do lời nói, lia tướng do chữ nghĩa, lia tướng do sự hiểu biết phàm phu gán cho nó, thì tất cả đều tuyệt đối bình đẳng, không hề biến đổi, không thể phá hoại, đều chỉ có một CHÂN TÂM, nên gọi là CHÂN NHƯ, là PHẬT TÁNH'.

C. Đại từ bi:

Đạo Phật quan niệm muôn loài, muôn vật, bình đẳng như nhau nên lòng từ bi của chư Phật bao trùm đều khắp muôn loài, muôn vật, không phân biệt giống nòi, màu sắc, cao hèn, đẹp xấu, bản sạch v.v...Chúng sanh đau khổ nhiều vô lượng thì từ bi của Phật rộng vô biên. Từ bi của Chư Phật và Bồ Tát không khác nào ánh sáng mặt trời, đâu đâu cũng đồng đều soi tỏ.

Từ là cho vui, bi là cứu khổ (Từ nâng giữ lạc, bi nâng bạt khổ). Chư Phật và Bồ Tát thương xót chúng sanh đau khổ, nên cứu độ cho họ khỏi khổ đau và ban vui cho họ. Cái vui đây không phải là cái vui tầm thường của thế gian, mà là cái vui chân thật, vĩnh viễn, cái vui giải thoát ra khỏi ngục tù của ngu tối và đau khổ, luân hồi.

Từ bi của đạo Phật khác xa với bác ái.

Bác ái là yêu thương rộng rãi, bác ái chỉ chú trọng đến đau khổ trong đời sống này mà thôi.

Từ bi của Chư Phật (và Phật tử) không những chú trọng đến quả khổ đời này, mà còn chú trọng cả đến nhân khổ nữa, nghĩa là đến những quả khổ trong đời tương lai, đến đau khổ của luân hồi. Nhân khổ có diệt hết thì các đau khổ trong những đời sau mới hết.

Bác ái như nước sông ngòi, từ bi như nước đại dương, khó bề so sánh.

Bác ái tâm trí còn bị ràng buộc bởi phân biệt, còn nhận biết người có lòng yêu và kẻ được cứu giúp, đức từ bi không hề phân biệt.

Muôn loài muôn vật đều cùng một bản thể, mà Chư Phật và Bồ Tát đã nhập một với bản thể, nên bất cứ một vật nào đau, Chư Phật và Bồ Tát cũng đều cảm ứng, cũng đều đau thương như chính Phật và Bồ Tát đau vậy.

Bởi thế, người Phật tử có lòng bác ái, rồi tu tập dần dần đến đức từ bi cao cả vô biên của Phật và Bồ Tát.

D. Đại dũng:

Để thực hiện đức từ bi rộng lớn, giáo lý đạo Phật dạy người Phật tử tu tập đức dũng cảm vô biên.

Đức Phật Thích Ca dạy: 'Coi dục giới, sắc giới, vô sắc giới như nhà lửa.'

Chúng sanh quần quai, đang bị thiêu đốt trong những ngọn lửa thù giận, oán ghét, tham lam, mê tối ... Chư Phật và Bồ Tát luôn luôn ra vào trong nhà lửa để cứu độ chúng sanh.

Chư Phật và Bồ Tát đã tu tập như thế nào để ra vào nhà lửa?

Trước khi cứu người phải cứu mình đã. Mình không bị cháy, không bị những ngọn lửa tham, sân, si thiêu đốt, mới có thể ra vào tự do trong lửa để giải thoát người khác được.

Công việc đầu tiên mà chư Phật và Bồ Tát đã làm và Phật tử phải tập làm, là chiến thắng với chính mình, đó là phá tan những xiềng xích mê lầm, dập tắt những ngọn lửa tham, giận, si mê, thù oán đốt cháy thân tâm. Ai cũng biết chiến công ấy là một chiến công khó khăn, phải cần đến một lòng dũng cảm, sắt đá lớn lao, mới thực hiện được.

Đức Phật dạy: "Chiến thắng một vạn quân không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất."

Người Phật tử khi phát nguyện quy y, đã bắt đầu khởi lòng dũng cảm ấy.

Rồi tinh tấn tu tập, đức dũng cảm dần dần tăng đến mức cao siêu. Người Phật tử không còn thấy trở lực, nguy hiểm nào nữa, và sẽ đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, ra vào trong nhà lửa mà không sợ hãi, vì đã có một áo giáp nhiệm màu để tránh những ngọn lửa đang thiêu đốt chung quanh.

E. Tích cực hoạt động:

Đạo Phật tập cho con người làm hiển hiện những đức tính sáng suốt, bình đẳng, từ bi, dũng cảm, tinh tấn mà còn luyện cho những đức tính ấy nảy nở đến cùng tột, nên đạo Phật là đạo tích cực hoạt động.

Người Phật tử từ lúc bắt đầu vào đạo phải hoạt động ngay, hoạt động nhiều, để mở mang trí tuệ, chiến thắng tham, sân, si; và phải tập chiến đấu với mọi hoàn cảnh, dù có trở lực, nên xông pha vào xã hội để cứu giúp người khác.

Theo gương chư Phật và chư Bồ Tát, người Phật tử không sống riêng, không giác ngộ và giải thoát riêng cho mình, mà còn phải sống và giác ngộ, giải thoát cho kẻ khác.

Đời của Phật tử là một đời hoạt động không ngừng, đi từ chiến công này đến chiến công khác, đem lòng từ bi và bình đẳng gieo rắc nhân lành khắp mọi nơi, dưới mọi hình thức.

Phật dạy: "Trong hoạt động của người Phật tử, không một việc lành nào mà không làm, không một vật gì mà không cứu độ." (Phật sự môn trung bất xả nhất pháp)

Để việc cứu độ ấy được đặc lực và rộng khắp, đức Phật dạy người Phật tử phải học và thực hành năm món sáng suốt (Ngũ minh) tức là năm điều kiện cần thiết cho sự tự giác, giác tha. Năm món ấy là:

1. Nội minh: học hiểu sáng suốt giáo lý của đạo Phật.
2. Nhân minh: diễn giảng rành mạch, sáng suốt giáo lý nói trên
3. Công xảo minh: tập cho khéo léo, hiểu cho rõ ràng những môn công, kỹ nghệ (tức là những nghề nghiệp và hoạt động kinh tế xã hội).
4. Y phương minh: nghe hiểu thông suốt các phương thuốc chữa bệnh về thân và tâm.
5. Thanh minh: hiểu biết sáng suốt tiếng nói của mọi người, mọi loài.

Người Phật tử phải sáng suốt bấy nhiêu thứ để hoạt động, giúp đỡ được thiết thực và rộng khắp.

Những người chưa vào đạo, hoặc chưa hiểu đạo Phật, thường nghĩ tưởng sai lầm, cho rằng đạo Phật là một đạo chán đời, làm cho con người trốn tránh trách nhiệm với xã hội, và hèn yếu đối với bản thân mình.

Đạo Phật vạch rõ cho con người biết bộ mặt giả tạm của đời là những hiện tượng sanh tử, phiền não, đau khổ, không vì thế mà đạo Phật thành một đạo chán đời.

Đạo Phật là một đạo rất yêu đời, yêu đời sống thật, yêu bộ mặt thật (bản lai diện mục) đẹp đẽ, trong sạch, yên vui của đời.

Vì yêu bộ mặt thật của đời nên mới sinh ra lòng yêu người, yêu tất cả mọi người trong bình đẳng, yêu tất cả mọi loài không phân biệt. Lòng yêu bao la rộng khắp, trùm bọc hết thảy chúng sanh, vì chúng sanh dưới những hình tướng sai biệt, đều cùng có một bộ mặt thật, đẹp đẽ, sáng sủa, rộng lớn như nhau, tuy rằng bộ mặt ấy hiện nay còn bị bụi nhơ phủ đầy.

Đời sống của Đức Phật Thích Ca thể hiện hoàn toàn của lòng thương yêu trùm khắp đó.

* Vì yêu đời và yêu chúng sanh đau khổ, nên Thái Tử mới ly cách những người thân, cung điện, ngôi báu để tu tập, tìm phương thuốc chữa khổ cho đời, nên trong gần nửa thế kỷ, đức Phật đã xông pha đi khắp đó đây, đến mọi tầng lớp xã hội, để giảng dạy cho mọi người tìm ra

và nhận thấy bộ mặt thật của đời sống. Bộ mặt ấy là: Bản Thể, Thật Tánh, Niết Bàn.

Cũng như sóng không thể lia nước mà có, Bản Thể, Thật Tánh, Niết Bàn không thể lia đời, lia người và vạn vật mà có. Cho nên người Phật tử không lúc nào là không sống tích cực với mình và với đời; với mình để tu sửa mình, giác ngộ mình, với đời để thức tỉnh người, cứu độ người.

Có thức tỉnh mình hoàn toàn và có cứu độ người đầy đủ mới có thể đạt tới Niết Bàn.

Biết rõ như thế, chúng ta sẽ hiểu được một phần nào ý nghĩa câu kinh thâm thúy sau đây:

"Niết Bàn tức là sanh tử. sanh tử tức là Niết Bàn."

Lúc mê là sanh tử, khi ngộ là Niết Bàn, cảnh sanh tử và Niết Bàn không phải là hai nơi xa cách mà chỉ là một.

Pháp nhiệm màu của đạo Phật là dạy cho con người biết cách chuyển mê thành ngộ, biến cảnh sanh tử đau khổ của thế gian thành cảnh an lạc - niết bàn của chư Phật-

Có người muốn tìm Niết Bàn, nhưng thường qua lại trong Niết Bàn mà không biết đó là Niết Bàn, chỉ thấy toàn sanh tử, phiền não. *Hạng người ấy chỉ biết cái danh của Niết Bàn mà không biết cái thực của Niết Bàn.*

Vậy ta đừng lầm rằng giải thoát là lia bỏ, chán ghét cõi đời hiện tại. Giải thoát chính là sống hoạt động, yên vui, sung sướng, tự do hoàn toàn ngay trong đời hiện tại. Trước khi từ bỏ xác thân vô thường này để nhập Niết Bàn, và rời lại từ Niết Bàn mà ứng hóa ra khắp mọi nơi để tiếp tục hoạt động cứu độ chúng sanh vô tận.

Chư Phật và Bồ Tát đã và đang sống cái đời sống ấy. Phật tử chúng ta tu tập để cũng sống cái đời sống của chư Phật và Bồ Tát vậy.

F. Đại tự do:

Một điểm đặc biệt nữa của đạo Phật là quan niệm cao sâu cùng cực về đức tánh tự do của con người. Cũng như những đức tánh: sáng suốt, từ bi, bình đẳng, dũng cảm nói trên, đức tánh tự do của Phật tử rộng rãi bao la không bờ bến.

Sự tự do ấy chẳng ai cho ta, chẳng luật pháp nào tạo nên, và cũng chẳng luật pháp nào có thể bảo vệ. Nó vẫn có ở trong thâm tâm của ta và của mọi loài, mọi vật. Nhưng chúng ta chưa biết sử dụng nó, chưa biết làm cho nó hiển hiện ra, cho nên chúng ta cảm thấy luôn luôn thiếu tự do và khổ sở trong một đời sống chật hẹp.

(Xin xem tiếp trang 29)